TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10.9.2020
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Huỳnh Thị Lệ** và **ông Nguyễn Công Chi**
- Thư ký phiên toà: **Bà Trần Ngô Khánh Loan** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà: **Bà Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25.6.2020, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HN ngày 10.7.2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 33, phường HHN, quận L, TP. Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1991; trú tại: Tổ 32, phường HKB, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Quốc H kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HKB, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chồng tôi tự ý lấy vàng cưới của vợ chồng để phục vụ mục đích gì tôi không hề biết, nhất là khi tôi mang thai và sinh con chồng tôi không hề có trách nhiệm gì với vợ con mặc cho một mình tôi nuôi con nhỏ, cuộc sống hôn nhân luôn áp lực vì chồng tôi thường xuyên xúc phạm và chửi tôi quá bức xúc nên tôi và con đã về nhà mẹ ruột tôi sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Lê Quốc H.

-Về con chung: Tôi và ông Lê Quốc H có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2018. Nguyện vọng của tôi được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Lê Quốc H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N xác nhận không có.

*** Bị đơn là ông Lê Quốc H** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Lê Quốc H không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Lê Thị Thanh N và ông Lê Quốc H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường HKB xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh N.

Về con chung có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 28.10.2018. Nguyện vọng của bà N được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Lê Quốc H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao con chung cho bà N nuôi dưỡng và buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn phù hợp với Điều 81,Điều 82, Điều 83 Luật HN&GĐ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N xác nhận không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Lê Thị Thanh N và ông Lê Quốc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận L, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 10.7.2020 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn ông Lê Quốc H, nhưng ông Lê Quốc H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông Lê Quốc H.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh N và ông Lê Quốc H thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh N và ông Lê Quốc H kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HKB, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Theo bà Lê Thị Thanh N trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẩn nguyên nhân chủ yếu do ông H tự ý lấy vàng cưới của vợ chồng để phục vụ mục đích gì mà bà N không hề biết, nhất là khi bà N mang thai và sinh con thì ông H không hề có trách nhiệm gì với vợ con mặc cho một mình bà N nuôi con nhỏ, cuộc sống hôn nhân luôn áp lực vì ông H thường xuyên xúc phạm bà N quá bức xúc nên bà N và con đã về nhà mẹ ruột sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông Lê Quốc H.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia tố tụng điều này thể hiện ông H không có mong muốn đoàn tụ, bỏ mặc cho mâu thuẩn gia đình ngày càng trầm trọng, thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt này.

Theo đơn xác minh tại UBND phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông H mâu thuẩn như thế nào thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà N và ông H không còn chung sống với nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Thanh N khai nhận bà và ông Lê Quốc H có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 28.10. 2018. Ly hôn bà N xin được nuôi con chung và yêu cầu ông Lê Quốc H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay cháu Lê Ngọc Bảo C chưa đủ 36 tháng tuổi, mặc khác từ khi bà N và ông H không còn chung sống thì bà N và con chung đã dọn về nhà bố mẹ bà N sinh sống. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao con chung cho bà N nuôi dưỡng chăm sóc là là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai vợ chồng do vậy cần buộc ông H phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật HNGĐ năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị Thanh N xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

Nếu sau này bà N và ông H có tranh chấp về vấn đề tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Thị Thanh N phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh N và ông Lê Quốc H

Tuyên xử: bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1992, được ly hôn với ông Lê Quốc H, sinh năm 1991.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2018 của UBND phường HKB, quận L, TP Đà Nẵng cấp ngày 30.01.2018 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên: Giao con chung con chung là Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 28.10.2018 cho bà Lê Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Lê Quốc H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Lê Thị Thanh N khai nhận không có.

4. **Về án phí:** Án phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà N phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004348 ngày

05.5.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Lê Quốc H phải nộp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát L;
- Chi cụcThi hành án L;
- UBND phường HKB q. L, TPĐN;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy